



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Chi nhánh Công ty Cổ phần dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành

Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2505170202-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00083620

Tên mẫu :

Thực phẩm bổ sung Sữa tươi có đường bổ sung sữa non Meta Fresh

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

17/05/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/05/2025

Thời gian thử nghiệm :

19/05/2025 - 24/05/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD347 VD (a) <i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/ ml	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD390 VD (a) <i>Listeria monocytogenes</i>	cfu/ ml	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
6	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007), LC-FLD	Không phát hiện (LOD=0.01)
7	VD2FE VD (a) Spiramycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08), LC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=5)
8	VD1KQ VD Sulfadimidine	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
9	VD1KR VD (a) Febantel / Fenbendazole / Oxfendazole	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
10	VD1KS VD Ivermectine	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
11	VD1KL VD (a) Ceftiofur	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
12	VD1KM VD (a) Isometamidium	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
13	VD1KB VD Doramectin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
14	VD1KC VD (a) Clenbuterol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD1KI VD (a) Imidocarb	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=10)
16	VD1KG VD (a) Pirlimycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00083620

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD1KE VD Diminazene	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
18	VD1KF VD (a) Lincomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
19	VD97C VD (a) Spectinomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11845 (2020) (Ref. ROC BIOTECH INC Catalog No.ROC10059: Spectinomycin ELISA test kit), ELISA	Không phát hiện (LOD=2.5)
20	VD6WY VD (a) Neomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11545 (2020) (Ref. EuroProxima Neomycin Art. No.: 5111NEO), ELISA	Không phát hiện (LOD=10)
21	VD38R VD Thiabendazole	µg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=3)
22	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS), GC-MS	Không phát hiện (LOD=0.05)
23	VD38J VD (a) Benzylpenicillin / Procaine benzylpenicillin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
24	VD4WB VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.003)
25	VD38I VD (a) Chlortetracycline/Oxytetracycline/Tetracycline	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
26	VD4A1 VD (a) Cyfluthrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018), GC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD3BR VD (a) Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018), GC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD42S VD (a) Cypermethrins (Gồm alpha & zeta - Cypermethrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018), GC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD4CM VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018), GC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD43A VD (a) Eprinomectin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018), LC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD2NT VD (a) Gentamicin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11544 (2020) (Ref. EuroProxima Gentamycin Art. No.: 5111GEN), ELISA	Không phát hiện (LOD=10)
32	VDG3K VD (a) Streptomycin / Dihydrostreptomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11543 (2020) (Ref.RIDASCREEN® Streptomycin Art. No. R3104), ELISA	Không phát hiện (LOD=5)
33	VD3DC VD (a) Trichlorfon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018), LC-MS/MS	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 28/05/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 28/05/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hai Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hai Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hai Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hai Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hai Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.